

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2024.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Lâm Sơn.

2) Bà Hồ Thị Út.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 01/01/1962

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- *Bị đơn:* **Huỳnh Thị Q**, sinh ngày 01/01/1961

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2023, nguyên đơn ông **Nguyễn Văn T** trình bày: Ông và bà **Huỳnh Thị Q** sau khi quen biết nhau đến năm 1977 thì được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đến năm 1980 có đăng ký kết hôn theo

quy định. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung tên: **Nguyễn Quốc T1**, sinh ngày 22/02/1981, **Nguyễn Quốc V**, sinh ngày 01/01/1984, **Nguyễn Thị Mộng G**, sinh năm 1987, **Nguyễn Thị Mộng T2**, sinh ngày 10/12/1991 và **Nguyễn Thị Yên N**, sinh ngày: 04/5/1985, hiện nay các con đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian qua vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân được 03 năm nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để giải quyết được ly hôn với bà **Huỳnh Thị Q**; về con chung đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà **Huỳnh Thị Q** trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông **T** về hôn nhân, con chung. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là do ông **T** đánh đập, hăm dọa bà và đuổi bà ra khỏi nhà khoảng 01 năm nay. Bà không đồng ý ly hôn vì cần có thời gian để suy nghĩ lại. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nếu có tranh chấp thì bà khởi kiện sau.

- Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông **T** được ly hôn với bà **Q**. Về con chung, các con đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, ông **Nguyễn Văn T** và bà **Huỳnh Thị Q** sau khi quen biết, có tình cảm với nhau thì đến năm 1977 được gia đình tổ chức đám cưới, đến năm 1980 ông bà đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **A** cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông **T** có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, những năm gần đây ông, bà thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn

nhân không còn hạnh phúc, đã sống ly thân được 03 năm nay. Nay ông **T** xin ly hôn với bà **Q**. Bà **Q** cho rằng do ông **T** đánh đập, hăm dọa bà và đuổi bà ra khỏi nhà khoảng 01 năm nay. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì ông, bà đã không chung sống với nhau từ khoảng 01 năm nay nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nay ông **T** cương quyết yêu cầu ly hôn với bà **Q**. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **T**, cho ông, bà được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Ông **T** và bà **Q** có 05 con chung tên: **Nguyễn Quốc T1**, sinh ngày 22/02/1981, **Nguyễn Quốc V**, sinh ngày 01/01/1984, **Nguyễn Thị Mộng G**, sinh năm 1987, **Nguyễn Thị Mộng T2**, sinh ngày 10/12/1991 và **Nguyễn Thị Yến N**, sinh ngày: 04/5/1985, hiện nay các con đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần và có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông **T** được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[6] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có là căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn T**.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn T** được ly hôn với bà **Huỳnh Thị Q**.

2/. Về con chung: Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Huỳnh Thị Q** có 05 con chung là **Nguyễn Quốc T1**, sinh ngày 22/02/1981, **Nguyễn Quốc V**, sinh ngày 01/01/1984, **Nguyễn Thị Mộng G**, sinh năm 1987, **Nguyễn Thị Mộng T2**, sinh ngày 10/12/1991

và **Nguyễn Thị Yến N**, sinh ngày: 04/5/1985. Tất đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí: Ông **Nguyễn Văn T** được miễn nộp án phí.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã A, H. KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm